

Nghệ An, ngày 14 tháng 03 năm 2019

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 2900783332
- Vốn điều lệ: 450.000.000.000 đồng.
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu:
- Địa chỉ: Khối 1, xã Hưng Đạo, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An
- Số điện thoại: 02383.587.200
- Số fax: 02383.587.226
- Website: <http://sasobeco.com.vn>
- Mã cổ phiếu (nếu có): BSL

Quá trình hình thành và phát triển:

- Ngày 20/12/2006: Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Sông Lam được thành lập theo Giấy đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 2703001077 có trụ sở chính tại khối 1, xã Hưng Đạo, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, là Công ty thuộc Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn.

- Ngày 9/12/2007: Nhà máy bia Sài Gòn – Sông Lam được khởi công xây dựng tại khu Rủ Mượu thuộc địa bàn xã Nam Giang, huyện Nam Đàn và xã Hưng Đạo, huyện Hưng Nguyên.

- Ngày 13/07/2009: Chính thức triển khai xây dựng Nhà máy. Nhà máy Bia Sài Gòn – Sông lam được xây dựng với tổng giá trị thực hiện dự án giai đoạn 1 là 1.045 tỷ đồng, trong đó phần thiết bị trị giá 859,797 tỷ đồng. Tổng thầu thiết kế và xây lắp nhà máy là Công ty Kroness AG – CHLB Đức, công suất thiết kế đạt 100 triệu lít/năm và có thể mở rộng lên 200 triệu lít/năm. Việc Sabeco xây dựng nhà máy bia tại Nghệ An là thành quả của quá trình hợp tác đầu tư giữa Tổng công ty CP Bia – Rượu – NGK Sài Gòn với UBND Tỉnh, không những góp phần phát triển kinh tế - xã hội cho địa phương mà còn thể hiện nghĩa cử cao đẹp trên quê hương Chủ tịch Hồ Chí Minh.

- Ngày 12/08/2010: Sản xuất mẻ bia thương mại đầu tiên.

- Ngày 12/12/2014: Chuyển trụ sở chính Công ty về tại Khối 1, xã Hưng Đạo, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An.

- Ngày 30/12/2014: Công ty nhận Cờ thi đua của Bộ Công Thương theo Quyết định 11996/QĐ-BCT.

- Ngày 20/12/2016: Kỷ niệm 10 năm ngày thành lập Công ty.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất, kinh doanh bia, rượu, nước giải khát; mua bán nguyên vật liệu, vật tư, phụ tùng, vận tải, xây dựng các dịch vụ và ngành nghề khác theo quy định pháp luật.

- Địa bàn kinh doanh: Toàn quốc.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

- Mô hình quản trị: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị (HDQT), Ban kiểm soát và Giám đốc.

- Cơ cấu bộ máy quản lý

+ Đại hội đồng cổ đông: Gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có quyền lực cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông có nhiệm vụ: Thông qua sửa đổi bổ sung điều lệ. Thông qua kế hoạch phát triển của Công ty, thông qua báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và của các kiểm toán viên. Quyết định số lượng thành viên Hội đồng Quản trị.

+ Hội đồng Quản trị: Là cơ quan quản lý cấp cao nhất của Công ty, quản trị Công ty giữa kỳ Đại Hội. Các thành viên Hội đồng Quản trị được cổ đông bầu. Hội đồng Quản trị đại diện cho các cổ đông, có toàn quyền nhân danh Công ty để giải quyết mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông

+ Ban kiểm soát: Là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông, do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty. Ban Kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám Đốc.

+ Ban Giám đốc: Chịu trách nhiệm quản lý và điều hành toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty, chỉ đạo việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị.

+ Công ty có 14 Phòng ban, phân xưởng: Phòng Kế toán tài chính; Phòng Hành chính – Tổ chức; Phòng Kế hoạch - Đầu tư; Phòng Kiểm soát chất lượng; Phòng Kỹ thuật; Phòng Kiểm toán nội bộ; Bộ phận ISO; Bộ phận Văn phòng Tp Hồ Chí Minh; Phân xưởng Nấu – Xử lý nước cấp; Phân xưởng Động lực; Phân xưởng Lên men – Lọc - CIP – Xử lý nước thải; Phân xưởng Chiết bia; Phân xưởng Bảo trì và Bộ phận Kho.

+ Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

4. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

+ Hoàn thành tốt các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh do Đại hội đồng cổ đông và Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - NGK Sài Gòn đề ra.

+ Duy trì, đảm bảo tốt chất lượng các sản phẩm khi xuất ra thị trường.

+ Đào tạo nguồn nhân lực, nâng cao trình độ chuyên môn đáp ứng nhu cầu phục vụ quá trình sản xuất kinh doanh.

+ Tăng cường, phối hợp với Công ty Thương mại tại khu vực phát triển thị trường.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

+ Bám sát định hướng, quy hoạch phát triển sản xuất xuất cũng như thị trường do Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - NGK Sài Gòn đề ra.

+ Tăng cường vai trò quản lý sản xuất kinh doanh qua các công tác cải tiến kỹ thuật, minh bạch trong quản trị, đảm bảo sự phát triển bền vững và ổn định của Công ty bằng việc đẩy mạnh sản xuất, chú trọng nâng cao chất lượng sản phẩm, góp phần cùng Tổng Công ty nâng cao uy tín thương hiệu, mang lại hiệu quả kinh doanh tối ưu cho Công ty, tăng lợi tức cho cổ đông, đóng góp ngân sách Nhà nước và đưa Công ty ngày càng phát triển.

+ Chủ động tìm kiếm các thị trường tiềm năng và đẩy mạnh hợp tác, phát triển các dòng sản phẩm thế mạnh.

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty:

+ Duy trì hệ thống quản lý chất lượng tích hợp ISO 9001:2015; Hệ thống quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm theo tiêu chuẩn ISO 22000:2005; Hệ thống Quản lý Môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001:2015; Hệ thống phòng kiểm nghiệm đạt yêu cầu tiêu chuẩn Quốc tế ISO/IEC 17025:2005 mang lại nhiều hiệu quả cao trong công tác giám sát, điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh.

+ Phối hợp với các cơ quan ban ngành, các tổ chức, địa phương thực hiện công tác xã hội theo định hướng của Tổng Công ty “Bia Sài Gòn chung tay vì cộng đồng”.

5. Các rủi ro: (Nêu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của Công ty, trong đó có rủi ro về môi trường)

+ Hiệu quả kinh doanh của Công ty phụ thuộc lớn vào sản lượng sản xuất và giao nhận hàng của Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - NGK Sài Gòn;

+ Cạnh tranh khốc liệt với nhiều loại sản phẩm bia khác trong và ngoài nước.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

+ Trong năm 2018, tình hình kinh tế có chuyển biến tích cực nhưng vẫn còn rất nhiều khó khăn, thách thức. Tăng trưởng vẫn còn ở mức thấp, các doanh nghiệp vẫn còn chưa thực sự thoát khỏi khó khăn....

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018		Tỷ lệ % TH/KH
		Kế hoạch	Thực hiện	
1. Sản lượng sản xuất	Nghìn lít	105,960	91,668	86.51
2. Sản lượng tiêu thụ	Nghìn lít	105,960	92,699	87.48
3. Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1,815.00	1,684.65	92.82
4. Thuế TTĐB	Tỷ đồng	907.12	816.97	90.06
5. Giá vốn	Tỷ đồng	823.84	792.28	96.17
6. Chi phí bán hàng	Tỷ đồng	1.56	1.18	75.51
7. Chi phí quản lý	Tỷ đồng	31.54	24.24	76.86

8. Lợi nhuận từ HĐKD	Tỷ đồng	36.24	39.96	110.25
9. Lợi nhuận khác	Tỷ đồng	0.50	0.60	119.37
- Lãi tiền gửi	Tỷ đồng	0.30	0.70	233.44
- Chi phí lãi vay	Tỷ đồng	14.62	11.85	81.03
10. Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	36.74	40.55	110.37
- Thuế TNDN	Tỷ đồng	7.35	8.26	112.45
- Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	29.39	32.29	109.85

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	Trình độ chuyên môn	Tỷ lệ % sở hữu
1.	Võ Hải Thanh	Giám đốc	05/05/1969	Cử nhân kinh tế, Kỹ sư cơ khí	0,30%
2.	Nguyễn Hồng Anh	Phó Giám đốc	29/04/1968	Cử nhân kinh tế	0,11%
3.	Hoàng Lâm Hòa	Phó Giám đốc	26/12/1968	Kỹ sư cơ khí	0,00%

- Những thay đổi trong ban điều hành: Không.

- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:

+ Tổng số lao động của công ty 209 người, trong đó lao động nữ: 60 người chiếm 29% tổng số lao động

+ Số lao động ký không xác định thời hạn: 187 người trong đó nữ 51 người.

+ Số lao động ký hợp đồng xác định thời hạn 1 năm - 36 tháng: 22 người, trong đó nữ 9 người.

+ Số lao động ký hợp đồng lao động dưới 12 tháng: 0 lao động

+ Nguồn lao động ổn định và được tuyển dụng bổ sung cho các bộ phận. Lao động trong năm tăng 1 %, giảm: 1 %. 100% người lao động được bố trí việc làm thường xuyên, ổn định, không có tình trạng người lao động nghỉ chờ việc và nghỉ việc do không có việc làm.

+ Nguồn lao động trẻ, với trình độ chuyên môn cao, trình độ đại học chiếm 46%, cao đẳng và trung cấp chiếm 24%, lao động có bằng nghề, công nhân kỹ thuật chiếm 30% tổng số lao động và thường xuyên được đào tạo nâng cao tay nghề, trình độ chuyên môn nghiệp vụ cụ thể:

- Các chế độ, chính sách đối với người lao động như tham gia Bảo hiểm xã hội theo quy định được thực hiện nghiêm túc. Người lao động được hưởng các chế độ khác từ nguồn quỹ chăm lo đời sống cho người lao động của Công ty.

- Số lần đào tạo trong năm 2018: 6 lượt với 227 lượt người và chi phí đào tạo 1,0 tỷ đồng.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a. Các khoản đầu tư lớn: Không có.

b. Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

c. Đầu tư bổ sung: Triển khai đầu tư chiều sâu nhằm đảm bảo an toàn trong vận hành sản xuất của nhà máy cũng như Đầu tư xây dựng một số hạng mục mới thiết yếu theo yêu cầu của Tổng Công ty để đảm bảo cảnh quan, môi trường cũng như an toàn, an ninh của nhà máy như:

- Đang hoàn thiện, xây dựng thêm sân bãi, nhà kho tạm và đường giao thông nội bộ. Đã triển khai thực hiện công tác duy tu, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa nhỏ và xây dựng mới các công trình nhỏ trong năm 2018 nhằm nhằm bảo đảm và duy trì sự làm việc bình thường, an toàn của công trình theo quy định của thiết kế trong quá trình khai thác sử dụng.

- Đã được Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Bia Sài Gòn – Sông Lam phê duyệt chủ trương thực hiện dự án đầu tư xây dựng hàng rào khu đất 46 hộ dân, đang triển khai thực hiện và hoàn thiện phần lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

- Dự án xây dựng Nhà ăn công nhân: Đã được Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Bia Sài Gòn – Sông Lam phê duyệt chủ trương thực hiện dự án đầu tư xây dựng Nhà ăn công nhân, đang triển khai thực hiện và hoàn thiện phần lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

- Dự án đầu tư thêm bồn chứa CO2: Đã hoàn thành phần Hồ sơ mời thầu, đang thực hiện công tác đấu thầu.

- Dự án xây dựng Nhà văn phòng: Đã được Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Bia Sài Gòn – Sông Lam phê duyệt chủ trương thực hiện dự án đầu tư xây dựng Nhà văn phòng, đang triển khai thực hiện và hoàn thiện phần lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

d. Tình hình tài chính

- Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	824,892,685,709	835,346,653,695	1
Doanh thu thuần	863,496,777,241	868,824,159,686	1
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	60,288,968,191	39,956,329,340	(34)
Lợi nhuận khác	591,247,426	596,859,071	1
Lợi nhuận trước thuế	60,880,215,617	40,553,188,411	(33)
Lợi nhuận sau thuế	48,318,630,265	32,288,916,924	(33)

Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	8	6	
----------------------------	---	---	--

- Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017	Năm 2018	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0.38	0.38	
+ Hệ số thanh toán nhanh:	Lần	0.15	0.15	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	39.83	41.96	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	66.20	72.29	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	Lần	10.21	9.09	
+ Vòng quay tổng tài sản: Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	1.05	1.04	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	5.60	3.72	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	6.51	6.66	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	5.86	3.91	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	6.98	4.60	

4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phiếu của công ty: 45.0000.000 CP.
- Loại cổ phiếu đang lưu hành: Cổ phiếu phổ thông.
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 0 CP.
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật: 0 CP.

b) Cơ cấu cổ đông:

- Tổng công ty Cổ phần Bia – Rượu – NGK Sài Gòn chiếm 30.950.000 cổ phần ứng với tỷ lệ 68.8%.
- Cổ đông khác chiếm 14.050.000 cổ phần tương ứng với tỷ lệ 31.2%
- + Cổ đông là tổ chức chiếm 35.301.667 cổ phần tương ứng 78.45%
- + Cổ đông cá nhân chiếm 9.698.333 cổ phần ứng với tỷ lệ 21.55%
- Không có cổ đông nước ngoài.

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không.

e) Các chứng khoán khác: Không.

5. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

5.1 Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm.

- Malt: 11.251.530 kg

- Gạo: 2.605.160 kg

- Hoa cao houblon: 5.002,19 kg

- Lon rỗng: 190.658.666 cái tương đương 2.020,98 tấn (trung bình 10.6g/ lon rỗng)

- Thùng giấy: 7.847.050 thùng tương đương 1.961,76 tấn (trung bình 250g/ thùng giấy).

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không có.

5.2 Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp.

- Điện: 11.002.184 kWh

- Hơi bão hòa: 32.884 tấn.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Không có.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này: Không có.

5.3 Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm 2018)

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng.

- Nguồn cấp nước cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty là nguồn nước từ kênh đào và các nhà cung cấp nước trên địa bàn. Tổng lượng nước sử dụng năm 2018 là 598.955 m³.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Nước tái sử dụng từ nước thải đã được xử lý dùng để tưới cây, cỏ: 100m³ chiếm 0.016%.

5.4 Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

5.5 Chính sách liên quan đến người lao động:

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

- Số lượng lao động năm 2018 là 209 người trong đó lao động nữ 60 người.

- Mức lương trung bình đối với người lao động là 10.7 triệu đồng/ tháng. Người lao động có việc làm ổn định thường xuyên.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

- Ngoài chính sách việc làm thường xuyên, thu nhập ổn định cho người lao động, chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn, phúc lợi cho người lao động luôn được chú trọng.

- Người lao động làm việc tại các phân xưởng được trang bị đầy đủ bảo hộ lao động theo quy định; tổ chức khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho người lao động. Các hoạt động tặng quà CBCNV các ngày lễ, thăm hỏi kịp thời đời sống của người lao động... luôn được duy trì và phát huy qua các năm. Quỹ phúc lợi chăm lo đời sống người lao động năm 2018 là 2.56 tỷ đồng.

c) Hoạt động đào tạo người lao động:

- Công ty tổ chức các khóa đào tạo về an toàn lao động, vệ sinh an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy, cử cán bộ quản lý đi tham dự các khóa bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ chuyên sâu về quản lý sản xuất, kinh doanh thị trường, kỹ thuật công nghệ, thiết bị, công nghệ thông tin và tài chính kế toán. Trong thời gian học tập, người lao động được hưởng nguyên lương, được đảm bảo các quyền lợi khác.

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên. Số giờ đào tạo năm 2018: 17.6 giờ/ người.

III. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

T T	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2017	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2018	Tỷ lệ TH2018/ 2017	Tỷ lệ TH2018/ 2018
1	Sản lượng tiêu thụ	1000 lít	97,303	105,960	92,699	95.27%	87.48%
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1,592.98	1,815.00	1,684.65	105.75%	92.82%
3	Tổng chi phí	Tỷ đồng	936.80	856.94	817.70	87.29%	95.42%
4	Tổng số thuế phải nộp ngân sách	Tỷ đồng	846.27	1,001.91	996.04	117.70%	99.41%
5	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	60.88	36.74	40.55	66.61%	110.37%

- Trong năm qua, Công ty đã hoàn thành vượt mức kế hoạch lợi nhuận đã đề ra.

1. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

- Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản, nợ phải thu xấu, tài sản xấu ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh).

Stt	NỘI DUNG	NĂM 2017		NĂM 2018		CHÊNH LỆCH	
		Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ	Số tuyệt đối	Tỷ lệ
I	Tài sản ngắn hạn	125,010,181,918	15%	202,171,661,011	24%	77,161,479,093	62%
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	14,826,986,462	2%	17,526,002,982	2%	2,699,016,520	18%
2	Khoản phải thu ngắn	33,333,643,371	4%	63,671,607,874	8%	30,337,964,503	91%

	hạn						
3	Đầu tư Tài chính ngắn hạn			32,000,000,000		32,000,000,000	
4	Tài sản ngắn hạn khác	1,774,837,920		1,769,002,505			
3	Hàng tồn kho	75,074,714,165	9%	87,205,047,650	10%	12,130,333,485	16%
II	Tài sản dài hạn	699,882,503,791	85%	633,174,992,684	76%	(66,707,511,107)	-9%
1	TSCĐ	683,856,444,289	83%	615,257,764,921	74%	(68,598,679,368)	-10%
2	Tài sản dài hạn khác	15,433,559,502	2%	17,324,727,763	2%	1,891,168,261	12%
	Tổng TS	824,892,685,709		835,346,653,695		10,453,967,986	

Tổng tài sản năm 2018 tăng 10,45 tỷ so với năm 2017, trong đó chủ yếu do tài sản ngắn hạn tăng 77,161 tỷ tương ứng 62% tổng tài sản, tài sản ngắn hạn tăng nhanh do khoản thu ngắn hạn tăng 30,338 tỷ, hàng tồn kho tăng 12,130 tỷ. Trong khi đó tài sản dài hạn năm 2018 giảm 66,707 tỷ so với năm 2017 mà TSDH lại chiếm tỷ trọng lớn 85% trên tổng tài sản nên dẫn đến sự chênh lệch tổng tài sản năm 2018 so với năm 2017 là không đáng kể (tăng 1%). Tài sản cố định giảm do lũy kế khấu hao tăng lên nên không ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Công ty không có khoản nợ phải thu khó đòi cũng như tất cả các tài sản của doanh nghiệp vẫn trong tình trạng hoạt động tốt.

b) Tình hình nợ phải trả

STT	NỘI DUNG	NĂM 2017		NĂM 2018		CHÊNH LỆCH	
		Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ	Số tuyệt đối	Tỷ lệ
1	Nợ ngắn hạn	328,249,154,288	40%	350,189,934,853	42%	21,940,780,565	3%
1,1	Phải trả người bán	7,832,585,020	1%	19,553,086,340	2%	11,720,501,320	43%
1,2	Vay ngắn hạn	213,709,924,414	26%	216,614,876,467	26%	2,904,952,053	1%
2	Nợ dài hạn	320,000,000	0%	320,000,000	0%	-	0%
2,1	Vay dài hạn	-	0%	-	0%	-	-

2. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Đề xuất nhiều giải pháp, sáng kiến cải tiến kỹ thuật thiết bị và công nghệ áp dụng vào sản xuất góp phần giảm thiểu chi phí và nhân công lao động.
- Với dây chuyền suất khép kín, hiện đại, tự động hóa cao
- Triển khai và ứng dụng phần mềm trong quản lý sản xuất, quản lý kinh doanh, quản lý.

3. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Phối hợp với Công ty Thương mại và các sở ban ngành địa phương nhằm tăng tiêu thụ sản phẩm tại chỗ, giảm thiểu chi phí vận chuyển, tăng lợi nhuận.
- Tích cực tham gia các hoạt động an sinh xã hội.
- Ứng dụng khoa học kỹ thuật, các phần mềm quản lý sản xuất vào quá trình để nâng cao chất lượng sản phẩm.

- Khai thác tối ưu nguồn nhân lực hiện có, đảm bảo chất lượng sản phẩm khi xuất ra thị trường. Thực hiện tiết kiệm, đảm bảo hiệu quả năng suất, an toàn lao động gắn liền với bảo vệ môi trường.

4. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không có ý kiến kiểm toán ngoại trừ.

5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường:

- Tiêu thụ nước: Nhà máy khai thác xử lý nước phục vụ cho sản xuất, sinh hoạt từ nguồn nước mặt của sông Đào. Năm 2018 lưu lượng khai là 576.525 m³ với lưu lượng khai thác trung bình là 1.690 m³/ ngày đêm.

- Năng lượng: Tiết kiệm năng lượng là một trong những yếu tố được công ty chú trọng nhằm nâng cao hiệu quả, tiết giảm chi phí sản xuất. Các biện pháp nhằm tiết kiệm năng lượng luôn được thực hiện tại nhà máy như: Lắp đặt biển tần cho các động cơ, lắp đặt đồng hồ đo điện tại từng phân xưởng, sử dụng đèn Led tiết kiệm điện thay thế dần cho đèn Halogen, ... Hàng năm công ty tiêu thụ khoảng 11 triệu kWh điện năng.

- Hệ thống lò hơi chính của nhà máy sử dụng công nghệ Biomass với nguồn nguyên liệu chính là mùn cưa. Lò hơi đốt dầu chỉ sử dụng để phòng ngừa sự cố nên lượng dầu tiêu thụ là không lớn.

- Phát thải: Hệ thống xử lý chất thải (nước thải, khí thải) tại nhà máy được đầu tư đồng bộ với thiết bị công nghệ hiện đại, tiên tiến nên luôn đảm bảo chất lượng trước khi xả thải ra môi trường. Các thông số phân tích chất lượng nước thải sau khi xử lý của Công ty đảm bảo đạt quy chuẩn cột A-QCVN 40:2011/BTNMT và khí thải đạt tiêu chuẩn theo quy chuẩn cột B-QCVN 19:2009/BTNMT.

- Theo giấy phép xả thải, công ty được phép xả thải tối đa 2.500 m³/ ngày đêm. Năm 2018 lưu lượng xả thải trung bình tại nhà máy khoảng 1.142 m³/ ngày đêm. Việc xả nước thải vào nguồn nước tiếp nhận tại sông Kè Gai không gây tác động xấu đến mục tiêu chất lượng của nguồn nước tiếp nhận cũng như các tác động xấu khác. Công ty luôn thực hiện quản lý chất thải rắn, chất thải công nghiệp, chất thải nguy hại theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành.

- Công ty luôn luôn thực hiện đúng, đầy đủ, kịp thời các nghĩa vụ, trách nhiệm đối với môi trường như bảo vệ môi trường, đóng các khoản thuế phí như: khai thác nước mặt, phí xả thải vào môi trường, phí dịch vụ tài nguyên rừng...

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

- Ngoài việc thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật Nhà nước đối với người lao động, Công ty luôn chú trọng nâng cao hơn nữa trách nhiệm của công ty đối với người lao động. Người lao động được hưởng thêm các quyền lợi được quy định trong thỏa ước lao động tập thể.

- Hàng năm đều trích lập các quỹ chăm lo đời sống người lao động: tổ chức thăm hỏi tặng quà nhân các ngày lễ trong năm, chi trợ cấp khó khăn cho CBCNV, tặng quà đối tượng CBCNV nhân các ngày lễ kỷ niệm, chăm lo đời sống người lao động, tổ chức đi tham quan nghỉ mát hàng năm và tổ chức các hoạt động phong trào với tổng số tiền 2.560 triệu đồng.

- Chế độ khen thưởng được thực hiện đầy đủ, tổng số tiền quỹ khen thưởng năm 2018 là 4.370 triệu đồng.

- Hàng năm công ty đều tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao cho CBCNV. Công ty đã làm 01 sân bóng đá, bố trí kết hợp các sân chơi cầu lông, bóng bàn nhằm tạo dựng không khí vui chơi giải trí lành mạnh cho CBCNV sau giờ làm việc, sản xuất.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

- Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam luôn coi trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp là cam kết của doanh nghiệp đóng góp cho việc phát triển kinh tế bền vững, thông qua việc tuân thủ chuẩn mực về bảo vệ môi trường, bình đẳng giới, an toàn lao động, quyền lợi lao động, trả lương công bằng, đào tạo và phát triển nhân viên, phát triển cộng đồng, bảo đảm chất lượng sản phẩm... theo cách có lợi cho cả doanh nghiệp cũng như phát triển chung của xã hội.

- Bên cạnh đó, đơn vị luôn quan tâm thực hiện tốt công tác tuyên truyền, giáo dục, phổ biến pháp luật đối với người lao động trong toàn đơn vị, từ đó hình thành được ý thức từ mỗi người lao động về hoạt động công tác xã hội từ thiện, đền ơn đáp nghĩa, xóa đói giảm nghèo, tương thân tương ái trong cộng đồng, chung tay vì cộng đồng đây là nghĩa vụ đồng thời cũng là một nét văn hóa của CBCNV Công ty.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty.

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội.

- Trong thời gian qua, Công ty đã thực sự tập trung, thể hiện trách nhiệm với cộng đồng, cụ thể là trên địa bàn tỉnh Nghệ An. Không chỉ vậy, công ty còn thực hiện tốt công tác tuyên truyền, lan rộng trách nhiệm đó đến với người lao động trong toàn đơn vị, thực hiện công tác xã hội từ thiện, đền ơn đáp nghĩa, xóa đói giảm nghèo, chung tay vì cộng đồng. Hội đồng quản trị công ty đánh giá cao và mong muốn những cam kết, những trách nhiệm cộng đồng của công ty được phát huy và ngày càng lớn mạnh hơn nữa.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

- Hội đồng quản trị (HĐQT) đã thường xuyên giám sát việc thực hiện các Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, đồng thời Giám sát hoạt động của Ban Giám đốc. Trong thời gian qua, Ban Giám đốc và các bộ phận tham mưu đã tổ chức đánh giá, phân tích dự báo tình hình hoạt động kinh doanh theo từng tháng, quý để HĐQT có biện pháp chỉ đạo kịp thời cho Ban Giám đốc. Ban Giám đốc đã huy động có hiệu quả các nguồn lực của Công ty, kiểm tra thường xuyên hiệu quả công việc của các phòng ban để nắm bắt thông tin, có biện pháp hỗ trợ, chỉ đạo kịp thời giúp cho Công ty vượt qua giai đoạn khó khăn và chuẩn bị các điều kiện tốt nhất khi nền kinh tế hồi phục. Thường xuyên rà soát, đánh giá hiệu quả sử dụng vốn trong hoạt động kinh doanh nhằm đạt được hiệu quả sử dụng vốn cao nhất. Ban Giám đốc Công ty thể hiện tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, có sự phân công phân nhiệm rõ ràng. Các buổi họp giao ban được duy trì hàng tuần, quản lý và điều hành Công ty theo đúng qui định của pháp luật. Trong năm các định hướng chiến lược của Hội đồng Quản trị và Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông được triển khai thực hiện theo đúng kế hoạch, hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch SXKD đề ra, các mặt hoạt động của Công ty được cải tiến theo hướng chuyên nghiệp. Để đạt được hiệu quả trên là do có sự phối hợp tốt giữa Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc. Chỉ đạo và điều hành đảm bảo nguyên tắc tập trung dân chủ, bản

bạc và quyết định công việc công khai, minh bạch, tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Tăng cường quản trị công ty, tiếp tục thực hiện các chiến lược phát triển trung và dài hạn của công ty, bám sát định hướng do Sabeco đề ra để có những kế hoạch kinh doanh phù hợp, phát huy năng lực sản xuất nhằm đáp ứng đầy đủ nhu cầu, mong muốn của thị trường vào bất kỳ thời điểm nào, đa dạng hóa chủng loại bao bì sản phẩm, đầu tư phát triển mặt hàng mới. Kiện toàn bộ máy tổ chức, chú trọng công tác quản trị nguồn nhân lực và xây dựng đội ngũ cán bộ kế thừa. Tăng cường công tác quản lý chi phí và quản trị rủi ro. Đánh giá, xem xét hiệu quả sử dụng vốn.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	Trình độ chuyên môn	Tỷ lệ % sở hữu
1	Nguyễn Tiến Dũng	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	21/1/1973	Cử nhân kinh tế	0%
2	Văn Thanh Liêm	Thành viên Hội đồng Quản trị	07/07/1950	Cử nhân kinh tế	0,41%
3	Cao Thanh Bích	Thành viên Hội đồng Quản trị	06/12/1949	Kỹ sư	0%
4	Nguyễn Hồng Anh	Thành viên Hội đồng Quản trị/ Phó Giám đốc	29/4/1968	Cử nhân kinh tế	0.11%
5	Võ Hải Thanh	Giám đốc, TV Hội đồng Quản trị	05/05/1969	Kỹ sư cơ khí – Cử nhân kinh tế	0,30%

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị: Trong năm 2018, Hội đồng quản trị Công ty đã thực hiện 05 phiên họp, ban hành Nghị quyết để chỉ đạo hoạt động của Công ty, cụ thể như sau:

TT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
I	NGHỊ QUYẾT		
1	Số 01/2018/NQ-HĐQT	05/01/2018	Thông qua Biên bản họp Hội đồng quản trị ngày 05/01/2018
2	Số 02/2018/NQ-HĐQT	26/03/2018	Thông qua đề nghị của Giám đốc Công ty về việc phê duyệt lại chủ trương Đầu tư Dự án mua sắm Bồn chứa CO ₂ (20m ³).
3	Số 03/2018/NQ-HĐQT	28/03/2018	Thông qua biên bản họp Hội đồng quản trị ngày 28/03/2018
4	Số 04/2018/NQ-	07/05/2018	Thông qua đề nghị của Giám đốc Công ty về việc phê

	HĐQT		duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu thuộc dự án đầu tư mua sắm Bồn chứa CO ₂ (20m ³).
5	Số 05/2018/NQ-HĐQT	08/06/2018	Thông qua đề nghị của Giám đốc Công ty về việc phê duyệt kế hoạch Tài chính năm 2018.
6	Số 06/2018/NQ-HĐQT	18/06/2018	Thông qua đề nghị của Giám đốc Công ty về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật Dự án đầu tư mua sắm Bồn chứa CO ₂ (20m ³).
7	Số 07/2018/NQ-HĐQT	18/07/2018	Thông qua việc chốt danh sách cổ đông để chi trả cổ tức bằng tiền năm 2017
8	Số 8/2018/NQ-HĐQT	18/07/2018	Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm kế hoạch thực hiện 6 tháng cuối năm 2018; Chia cổ tức 2017; Đầu tư dây chuyền chiết bia lon 33.000 lon/giờ.
9	Số 9/2018/NQ-HĐQT	15/8/2018	Thông qua kết quả tờ trình số 32/2018/Ttr-BSGSL về việc nhượng bán bao bì chai kết 355ml dư thừa
10	Số 10/2018/NQ-HĐQT	20/8/2018	Thông qua đề nghị của Giám đốc Công ty tại tờ trình số 25/2018/Ttr-BSGSL về việc phê duyệt vay vốn bảo lãnh, bảo đảm cấp tín dụng tại Ngân hàng Vietinbank chi nhánh 4 - HCM
11	Số 11/2018/NQ-HĐQT	27/8/2018	Thông qua kết quả tờ trình số 32/2018/Ttr-BSGSL về việc nhượng bán bao bì chai kết 450ml dư thừa
12	Số 12/2018/NQ-HĐQT	27/12/2018	Thông qua kết quả tờ trình số 47/2018/Ttr-BSGSL về việc phê duyệt chủ trương đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng Nhà văn phòng
13	Số 13/2018/NQ-HĐQT	27/12/2018	Thông qua kết quả tờ trình số 48/2018/Ttr-BSGSL về việc phê duyệt chủ trương đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng Nhà ăn công nhân
14	Số 14/2018/NQ-HĐQT	28/12/2018	Thông qua kết quả tờ trình số 49/2018/Ttr-BSGSL về việc phê duyệt chủ trương đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng hàng rào khu đất 46 hộ dân
II QUYẾT ĐỊNH			
1	Số 01/2018/QĐ-HĐQT	17/01/2018	Phê duyệt quyết toán quỹ tiền lương, tiền thưởng năm 2017 của Công ty cổ phần Bia Sài Gòn – Sông Lam.
2	Số 02/2018/QĐ-HĐQT	04/03/2018	Phê duyệt tham gia chương trình học tập & khảo sát tại nước ngoài
3	Số 03/2018/QĐ-HĐQT	04/03/2018	Phê duyệt chi thưởng vượt kế hoạch lợi nhuận năm 2017 của Công ty cổ phần Bia Sài Gòn – Sông Lam
4	Số 04/2018/QĐ-HĐQT	26/03/2018	Phê duyệt lại chủ trương đầu tư Dự án mua sắm Bồn chứa CO ₂ (20m ³).
5	Số 05/2018/QĐ-HĐQT	07/05/2018	Phê duyệt lại kế hoạch lựa chọn nhà thầu thuộc Dự án đầu tư mua sắm Bồn chứa CO ₂ (20m ³).
6	Số 06/2018/QĐ-HĐQT	08/06/2018	Phê duyệt chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm

	HDQT		2018.
7	Số 07/2018/QĐ-HDQT	18/06/2018	Phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật dự án Đầu tư mua sắm Bồn chứa CO ₂ (20m ³).
8	Số 08/2018/QĐ-HDQT	17/08/2018	Thông qua phê duyệt chủ trương đầu tư lắp bổ sung thêm dây chuyền chiết bia lon 33.000 lon/giờ
9	Số 09/2018/QĐ-HDQT	15/08/2018	Phê duyệt chủ trương về việc nhượng bán bao bì chai kết 355ml dư thừa
10	Số 10/2018/QĐ-HDQT	17/08/2018	Phê duyệt chủ trương về việc phê duyệt vay vốn bảo lãnh, bảo đảm cấp tín dụng tại Ngân hàng Vietinbank chi nhánh 4 - HCM
11	Số 11/2018/QĐ-HDQT	27/08/2018	Phê duyệt chủ trương về việc nhượng bán bao bì chai kết 450ml dư thừa
12	Số 12/2018/QĐ-HDQT	27/12/2018	Phê duyệt chủ trương đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng Nhà văn phòng
13	Số 13/2018/QĐ-HDQT	27/12/2018	Phê duyệt chủ trương đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng Nhà ăn công nhân
14	Số 14/2018/QĐ-HDQT	28/12/2018	Phê duyệt chủ trương đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng hàng rào khu đất 46 hộ dân

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

St t	Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	Trình độ chuyên môn	Tỷ lệ % sở hữu
1	Nguyễn Thanh Thủy	Trưởng Ban Kiểm soát chuyên trách	12/05/1957	Cử nhân Kinh tế	0,033%
2	Đặng Hải Hà	Thành viên Ban Kiểm soát	11/12/1977	Cử nhân Kinh tế	0%
3	Hoàng Thanh Vân	Thành viên Ban Kiểm soát	12/04/1982	Cử nhân Kinh tế	0%

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Xem xét, đánh giá hoạt động của Công ty trong suốt niên độ, liên quan đến việc thực hiện các kế hoạch tài chính và kế hoạch hoạt động năm 2018.

- Kiểm tra, soát xét các hồ sơ Đầu tư dự án, công tác tổ chức cán bộ, việc thực hiện chế độ chính sách đối với người lao động: thông qua việc tuân thủ quy chế phân phối tiền lương, xây dựng kế hoạch quỹ lương 2018, việc thực hiện xếp hạng doanh nghiệp, việc chi trả tiền lương cho người lao động, việc thực hiện chế độ BHXH đối với người lao động.

- Kiểm tra công tác Tài chính, Kế toán: về quản lý hóa đơn bán hàng, quản lý hồ sơ chứng từ Kế toán, công tác quản lý bao bì chai kết.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích 2018:

Đối tượng	Họ và tên	Thù lao	Lương	Thưởng	Tổng cộng
Hội đồng quản trị	Nguyễn Tiến Dũng	174,182,400			174,182,400
	Văn Thanh Liêm	116,121,600			116,121,600
	Võ Hải Thanh	116,121,600			116,121,600
	Cao Thanh Bích	116,121,600			116,121,600
	Nguyễn Hồng Anh	116,121,600			116,121,600
Ban Kiểm soát	Hoàng Thanh Vân	43,545,600			43,545,600
	Đặng Hải Hà	43,545,600			43,545,600
Ban điều hành	Võ Hải Thanh		800,000,000	106,578,947	886,631,016
	Nguyễn Hồng Anh		640,000,000	85,263,158	709,304,813
	Hoàng Lâm Hòa		240,000,000	85,263,158	309,304,813
	Nguyễn Thanh Thủy		352,000,000	46,894,737	399,117,647
	Văn Bá Thi		560,000,000	74,605,263	620,641,711
Tổng cộng		725,760,000	2,592,000,000	324,000,000	3,641,760,000

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không.

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

- Thực hiện công bố đầy đủ và đúng hạn các Báo cáo quản trị, Báo cáo thường niên và các thông tin về hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị công ty cho cổ đông và công chúng theo đúng quy định của pháp luật.

- Các quy định về quản trị nội bộ Công ty được cập nhật theo quy định mới nhất của Pháp luật hiện hành

- Điều lệ Công ty và các văn bản pháp luật có liên quan luôn được cập nhật kịp thời và chuẩn hóa nhằm đảm bảo đầy đủ các yêu cầu tuân thủ quy định và đảm bảo lợi ích cao nhất cho các cổ đông.

VI. Báo cáo tài chính:

1. Ý kiến kiểm toán:

Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán.

Noinhận:

- UBCK NN;

- Lưu VT.



Võ Hải Thanh

